

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ- ST

Ngày 24/8/2018

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyết.

*** Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Hoàng Thị Thu Thảo, ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt- Cán bộ
Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh - Hải Dương tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Nhà văn hóa khu dân cư (KDC) Trần
Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Xét xử sơ thẩm, lưu
động, công khai vụ án dân sự thụ lý số 239/2018/TLST- HNGĐ ngày 29/6/2018 về
việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 18/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện L,
tỉnh Bắc Giang - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã B,
thị xã C, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số 1, Trại
giam H, Tổng cục 8, Bộ Công an (địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương)-
Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng:

3. 1. Ông Nguyễn Ngọc T- sinh năm 1969

3. 2. Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1972

Cùng trú tại: Thôn T, xã B, thị xã C, tỉnh Hải Dương- Điều vắng mặt tại phiên
tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/6/2018 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 03/10/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C tại thôn T, xã B, thị xã C. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2012 vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không chịu làm ăn, lại ham mê cờ bạc nên đã nhiều lần phải mang tài sản của bản thân và bố mẹ đi cầm ký. Ngoài ra anh C còn thường xuyên đi chơi vắng nhà, có lần đi một tuần mới về. Chị đã nhiều lần tham gia nhưng anh C không thay đổi. Do vậy đến tháng 5/2013 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở. Từ đó chị và anh C không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Như Q sinh ngày 30/10/2013 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì anh C đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Về việc kết hôn, anh C trình bày như chị D trình bày nêu trên.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Cuối năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bản thân anh khi đó còn trẻ ham chơi, hay tụ tập bạn bè ăn uống nên có lần đã phải cầm ký điện thoại và xe máy của bản thân để trả nợ. Ngoài ra anh cũng hay chơi bời với một số bạn gái hay đi chơi khuya mới về nên chị D hay phàn nàn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 5/2013 chị Diễm đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn R, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang ở. Vợ chồng ly thân nhau từ đó và không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Tháng 4/2014, anh bị bắt về hành vi hiếp dâm. Đến ngày 01/8/2014 anh bị Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 8 năm 3 tháng tù về tội “Hiếp dâm”. Cuối năm 2014 anh lại bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” sau đó được đưa về cải tạo tại Trại giam H từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh, anh không nhất trí vì xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm của anh đối với chị D vẫn còn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung như chị D trình bày. Nếu Tòa án xử cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị giao cháu Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện anh đang chấp hành hình phạt tù, không có tài sản nên đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của anh C trình bày: Quá trình chung sống, giữa chị D và anh C có mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi mới lấy vợ anh C còn trẻ, ham chơi hay tụ tập bạn bè ăn uống và có lấy xe máy của gia đình mang đi cầm cố và không lấy lại được dẫn đến vợ chồng anh C cãi nhau nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2013. Nay chị D xin ly hôn anh C, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của của những người tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Như Q sinh ngày 30/10/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đang chấp hành án tại Trại giam H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[2] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh chị đã có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chịu khó làm ăn, lại hay chơi bời tụ tập bạn bè dẫn đến nợ nần phải mang tài sản của bản thân và gia đình đi cầm ký dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã tự khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Nay chị D kiên quyết xin ly hôn anh C. Anh C không nhất trí nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh cũng không còn biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Anh C xác định vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nhưng theo lời khai của anh, chị D và bố mẹ đẻ anh C có căn cứ xác định anh C đã không tôn trọng chị D, có những hành động làm ảnh hưởng trầm trọng đến quan hệ vợ chồng. Ngoài ra anh C xác định anh vẫn còn tình cảm với chị D tuy nhiên sau khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh cũng không tìm đón, vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị D đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị D và anh C có một con chung là Nguyễn Như Q sinh ngày 30/10/2013. Nay anh C đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam không có điều kiện nuôi con. Chị D hiện đang trực tiếp nuôi cháu Q. Chị D có đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Như Q cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C hiện không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[4] Về tài sản: Chị D và anh C trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Như Q sinh ngày 30/10/2013 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0000870 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh. Chị D đã nộp đủ án phí.

Báo chị D biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Chí Linh;
- UBND xã B- thị xã C (Đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quyết